

Số: 02/KL-TTr

Chiêm Hóa, ngày 28 tháng 3 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra công tác quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước cấp tại trường Tiểu học Phú Bình, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (Từ 01/01/2020 đến 31/12/2022)

Thực hiện Quyết định số 01/QĐ-TTr ngày 08/01/2024 của Chánh Thanh tra huyện Chiêm Hóa về việc Thanh tra công tác quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp tại các trường: Mầm non Phú Bình, Tiểu học Phú Bình, Trung học cơ sở Phú Bình, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang (Từ 01/01/2020 đến 31/12/2022). Từ ngày 19/01/2024 đến ngày 29/02/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra công tác quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước cấp tại trường Tiểu học Phú Bình.

Xét báo cáo kết quả thanh tra số 02/BC-ĐTTr ngày 15/3/2024 của Trưởng đoàn thanh tra số 01.

Chánh Thanh tra huyện Chiêm Hóa kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Trường Tiểu học Phú Bình được thành lập năm 2008 theo Quyết định số 241/QĐ-UBND ngày 19 tháng 8 năm 2008 của Ủy ban nhân dân huyện Chiêm Hóa. Trường có 04 điểm trường, điểm trường chính tại thôn Tạng Khiếc xã Phú Bình. Năm học 2022 - 2023 trường có 21 lớp với tổng số 476 học sinh.

Trường có tổng số 29 cán bộ quản lý, giáo viên (Trong đó: Cán bộ quản lý 03 người, giáo viên 25 người, kế toán 01 người). Phong trào thi đua của nhà trường được duy trì thường xuyên, thiết thực và có hiệu quả góp phần tích cực trong việc động viên cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh trong toàn trường hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ.

Thực hiện thu, chi ngân sách cơ bản đúng mục đích, dự toán được giao, đảm bảo nhu cầu hoạt động thường xuyên của nhà trường.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Tổng thu: 16.849.596.700đ

Nội dung	Tổng	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng thu (Ngân sách cấp)	16.849.596.700đ	5.902.068.600đ	5.154.955.900đ	5.792.572.200đ

2. Tổng chi: 16.849.596.700đ

2.1. Năm 2020: 5.902.068.600đ (Có biểu chi tiết kèm theo)

TT	Nội dung	Số liệu đơn vị	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
	Tổng chi	5.902.068.600đ	5.900.048.200đ	2.020.400đ
1	Chi lương, tiền công và các khoản phụ cấp lương	4.305.484.300đ	4.303.463.900đ	2.020.400đ
2	Chi nộp BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN	557.936.100đ	557.936.100đ	0
3	Chi nghiệp vụ chuyên môn, chi khác	1.038.648.200đ	1.038.648.200đ	0

Nội dung số tiền chênh lệch cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Thời gian nghỉ thai sản	Hệ số lương	Chênh lệch Phụ cấp ưu đãi nghề (70%-35%)	Số tháng	Tổng hệ số chênh lệch	Số tiền chênh lệch
	Tổng						2,020.400đ
1	Nông Thị Hương	T10/2020 - T12/2020	2,26	0,452	3	1,356	2,020.400đ

Số tiền 2.020.400đ là số tiền chi không đúng định mức chế độ phụ cấp ưu đãi nghề cho 01 giáo viên trong thời gian nghỉ chế độ thai sản. Thực hiện không đúng quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ Về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ Tài chính-Bộ Nội vụ-Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập.

Tuy nhiên tại thời điểm kiểm tra, số tiền trên nhà trường đã tự phát hiện và truy thu vào tháng 9 năm 2023 (Chuyển khoản số 69 ngày 12/9/2023, thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 9/2023).

2.2. Năm 2021: 5.154.955.900đ (Có biểu chi tiết kèm theo)

TT	Nội dung	Số liệu đơn vị	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
	Tổng chi	5.154.955.900đ	5.148.656.180đ	6.299.720đ
1	Chi lương, tiền công và các khoản phụ cấp lương	3.921.039.200đ	3.914.739.480đ	6.299.720đ
2	Chi nộp BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN	504.871.300đ	504.871.300đ	0
3	Chi nghiệp vụ chuyên môn, chi khác	729.045.400đ	729.045.400đ	0

Nội dung số tiền chênh lệch cụ thể như sau:

TT	Họ và tên	Thời gian nghỉ thai sản	Hệ số lương	Chênh lệch Phụ cấp ưu đãi nghề (70%-35%)	Số tháng	Tổng hệ số chênh lệch	Số tiền chênh lệch
	Tổng						6.299.720đ
1	Quan Thị Hương	T5/2021 - T11/2021	2,06	0,412	6	2,472	3.683.280đ
2	Hoàng Thị Hiền	T8/2021 T9,T10/2021	2,72 3,03	0,544 0,606	1 2	0,544 1,212	810.560đ 1.805.880đ

Số tiền 6.299.720đ là số tiền chi không đúng định mức chế độ phụ cấp ưu đãi nghề cho 02 giáo viên trong thời gian nghỉ chế độ thai sản. Thực hiện không đúng quy định tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ Về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BGD&ĐT-BNV-BTC ngày 23/01/2006 của Bộ Tài chính-Bộ Nội vụ-Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện Quyết định số 244/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ phụ cấp ưu đãi đối với nhà giáo đang trực tiếp giảng dạy trong các cơ sở giáo dục công lập.

Tuy nhiên tại thời điểm kiểm tra, số tiền trên nhà trường đã tự phát hiện và truy thu vào tháng 6 và tháng 9 năm 2023 (Chuyển khoản số 45 ngày 06/6/2023 thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 6/2023; Chuyển khoản số 69 ngày 12/9/2023, thanh toán lương và các khoản phụ cấp tháng 9/2023).

2.3. Năm 2022: 5.792.572.200đ (Có biểu chi tiết kèm theo)

TT	Nội dung	Số liệu đơn vị	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
	Tổng chi	5.792.572.200đ	5.792.572.200đ	0
1	Chi lương, tiền công và các khoản phụ cấp lương	4.188.507.400đ	4.188.507.400đ	0
2	Chi nộp BHYT, BHXH, KPCĐ, BHTN	530.775.400đ	530.775.400đ	0
3	Chi nghiệp vụ chuyên môn, chi khác	1.073.289.400đ	1.073.289.400đ	0

III. KẾT LUẬN

1. Ưu điểm

- Căn cứ vào quyết định giao dự toán ngân sách đầu năm và bổ sung trong năm, đơn vị đã quản lý và sử dụng nguồn kinh phí theo đúng dự toán được giao, đảm bảo nhu cầu hoạt động thường xuyên của nhà trường và các nhiệm vụ được bổ sung trong năm như thực hiện chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Chính phủ; hỗ trợ học tập đối với học sinh dân tộc thiểu số rất ít người theo Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ và một số nhiệm vụ khác.

- Hằng năm, đơn vị đã xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản và thực hiện cơ bản theo Quy chế đã đề ra, mở đầy đủ các loại sổ sách theo quy định, áp dụng phần mềm kế toán, thực hiện công khai tài chính theo quy định. Tiến hành kiểm kê tài sản hằng năm theo quy định.

2. Tồn tại, hạn chế

- Việc xây dựng quy chế chi tiêu nội năm 2022 còn có nội dung chưa phù hợp với quy định như chi cho cán bộ, giáo viên may trang phục mức tối đa không quá 1.000.000đ/người/năm. Tuy nhiên trong quá trình tổ chức thực hiện nhà trường không chi trả nội dung trên.

- Một số chứng từ chưa đảm bảo các yếu tố hợp pháp, hợp lệ của chứng từ như:

+ Chi thanh toán tiền bảo vệ còn gộp nhiều tháng thanh toán là chưa đúng với hợp đồng đã ký là hàng tháng.

+ Thanh toán tiền sửa chữa thiết bị công nghệ thông tin thiếu phiếu báo hỏng, biên bản kiểm tra hiện trạng, danh sách nhận của người trực tiếp sử dụng thiết bị tin học.

+ Chi không đúng quy định chế độ phụ cấp ưu đãi nghề cho giáo viên trong thời gian nghỉ thai sản.

3. Sai phạm

Trường Tiểu học Phú Bình chi không đúng chế độ, định mức chi phụ cấp ưu đãi nghề cho giáo viên trong thời gian nghỉ thai sản số tiền **8.320.120đ** (Trong đó: Chi không đúng định mức chế độ phụ cấp ưu đãi nghề cho giáo viên trong thời gian nghỉ thai sản năm 2020 số tiền 2,020.400đ và năm 2021 số tiền 6.299.720đ).

Căn cứ pháp lý: Vi phạm khoản 3, Điều 18 của Luật ngân sách Nhà nước năm 2015 quy định các hành vi bị cấm trong lĩnh vực ngân sách nhà nước: “3. Chi không có dự toán, trừ trường hợp quy định tại Điều 51 của Luật này; chi không đúng dự toán ngân sách được giao; **chi sai chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi, không đúng mục đích; tự đặt ra các khoản chi trái với quy định của pháp luật**”.

3. Nguyên nhân, trách nhiệm

3.1. Nguyên nhân

Hiệu trưởng nhà trường đồng thời là Chủ tài khoản chưa thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính - kế toán của nhà trường.

Viên chức làm công tác kế toán chưa tham mưu hết chức trách nhiệm vụ trong việc thực hiện các quy định, hướng dẫn về công tác quản lý, sử dụng tài chính của nhà trường

3.2. Trách nhiệm

Những tồn tại, hạn chế trong công tác quản lý, sử dụng nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp nhất là trong việc thực hiện nguyên tắc quản lý tài chính, trách nhiệm thuộc về chủ tài khoản (Hiệu trưởng nhà trường).

Việc thực hiện chưa đầy đủ chức trách, nhiệm vụ trong thực hiện chuyên môn, nghiệp vụ trách nhiệm thuộc về kế toán của đơn vị.

IV. KIẾN NGHỊ VÀ XỬ LÝ

1. Về công tác quản lý

1.1. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện

Tăng cường công tác kiểm tra, hướng dẫn nghiệp vụ kế toán đối với các đơn vị trường học trên địa bàn huyện.

1.2. Trường Tiểu học Phú Bình

Tiếp tục thực hiện công tác quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách theo đúng Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn theo quy định.

Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tăng cường công tác tự kiểm tra, giám sát việc thực hiện thu chi các nguồn kinh phí tại đơn vị.

2. Xử lý về kinh tế

Không thu hồi số tiền **8.320.120đ** chi phụ cấp ưu đãi nghề cho giáo viên trong thời gian nghỉ thai sản không đúng quy định vì tại thời điểm kiểm tra nhà trường đã tự phát hiện và truy thu vào tháng 6 và tháng 9 năm 2023.

3. Về nhân sự

Căn cứ tồn tại đã kết luận qua thanh tra nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước cấp tại trường Tiểu học Phú Bình, yêu cầu trường tiểu học Phú Bình nghiêm túc kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với các cá nhân (*Hiệu trưởng và Kế toán nhà trường*) và các cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước cấp tại nhà trường.

Yêu cầu Trường Tiểu học Phú Bình và các cá nhân có liên quan thực hiện các nội dung trong kết luận, báo cáo kết quả thực hiện về cơ quan Thanh tra huyện trước ngày 30/4/2024./.

Nơi nhận:

- UBND huyện; | (*Báo cáo*)
- Thanh tra tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của huyện;
- Phòng TC-KH;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng GD&ĐT;
- Trường Tiểu học Phú Bình;
- Đoàn thanh tra số 01;
- Lưu: TTr; HSĐTTr.

CHÁNH THANH TRA



Nguyễn Minh Phú

UBND HUYỆN CHIÊM HOÁ
THANH TRA HUYỆN

BIỂU TỔNG HỢP
CHI NGÂN SÁCH NĂM 2020 TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚ BÌNH
(Kèm theo Kết luận số 02 ngày 28/03/2024 của Chánh thanh tra huyện)

ĐVT: đồng

TT		Số liệu đơn vị	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
	Tổng chi	5,902,068,600	5,900,048,200	2,020,400
I	Kinh phí thực hiện thường xuyên/tự chủ	5,201,500,000	5,199,479,600	2,020,400
1	Tiền lương	1,763,936,600	1,763,936,600	0
	Lương ngạch bậc	1,763,936,600	1,763,936,600	0
2	Tiền công	208,226,900	208,226,900	0
3	Phụ cấp lương	2,333,320,800	2,331,300,400	2,020,400
	PC chức vụ	51,852,200	51,852,200	0
	PC khu vực	147,510,000	147,510,000	0
	PC thu hút	19,337,100	19,337,100	0
	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	7,863,400	7,863,400	
	PC ưu đãi nghề	1,291,360,400	1,289,340,000	2,020,400
	PC trách nhiệm theo nghề, theo công việc	5,364,000	5,364,000	0
	PC thâm niên vượt khung, thâm niên nghề	389,645,100	389,645,100	0
	PC công tác lâu năm	401,406,000	401,406,000	0
	Phụ cấp khác	18,982,600	18,982,600	0
4	Các khoản đóng góp	557,936,100	557,936,100	0
	Bảo hiểm xã hội	402,125,600	402,125,600	0
	Bảo hiểm y tế	72,525,700	72,525,700	0
	Kinh phí công đoàn	48,349,900	48,349,900	0
	Bảo hiểm thất nghiệp	22,847,300	22,847,300	0
	Các khoản đóng góp khác	12,087,600	12,087,600	0
5	Chi thường xuyên khác	338,079,600	338,079,600	0
	Tiền thưởng	9,310,000	9,310,000	0
	Phúc lợi tập thể	6,500,000	6,500,000	0
	Thanh toán dịch vụ công cộng	4,720,000	4,720,000	0
	Vật tư văn phòng	94,782,100	94,782,100	0
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	5,600,000	5,600,000	0
	Công tác phí	17,782,000	17,782,000	0
	Chi phí thuê mượn	15,300,000	15,300,000	0
	Chi sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn	43,240,000	43,240,000	0
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	22,726,500	22,726,500	0
	Chi khác	118,119,000	118,119,000	0
II	Kinh phí không thường xuyên	700,568,600	700,568,600	0
	Phụ cấp khác	42,001,900	42,001,900	0
	Hỗ trợ đối tượng chi phí học tập	114,400,000	114,400,000	0
	Chi khác	415,208,700	415,208,700	0
	Công cụ, dụng cụ văn phòng	8,000,000	8,000,000	0
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	2,400,000	2,400,000	0
	Chi tinh giản biên chế	118,558,000	118,558,000	0

9

UBND HUYỆN CHIÊM HÓA
THANH TRA HUYỆN

BIỂU TỔNG HỢP
CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021 TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚ BÌNH
(Kèm theo kết luận số 02 ngày 28/03/2024 của Chánh Thanh tra huyện)

ĐVT: đồng

TT		Số liệu đơn vị	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
	Tổng chi	5,154,955,900	5,148,656,180	6,299,720
I	Kinh phí thực hiện thường xuyên/tự chủ	4,703,880,000	4,697,580,280	6,299,720
1	Tiền lương	1,586,686,300	1,586,686,300	0
	Lương ngạch bậc	1,586,686,300	1,586,686,300	0
2	Tiền công	230,753,300	230,753,300	0
3	Phụ cấp lương	2,103,599,600	2,097,299,880	6,299,720
	PC chức vụ	41,421,900	41,421,900	0
	PC khu vực	138,515,800	138,515,800	0
	PC thu hút	96,237,700	96,237,700	0
	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	8,408,700	8,408,700	0
	PC ưu đãi nghề	1,144,226,000	1,137,926,280	6,299,720
	PC trách nhiệm theo nghề, theo công việc	9,387,000	9,387,000	0
	PC thâm niên vượt khung, thâm niên nghề	312,970,100	312,970,100	0
	PC công tác lâu năm	332,540,900	332,540,900	0
	Phụ cấp khác	19,891,500	19,891,500	0
4	Các khoản đóng góp	504,871,300	504,871,300	0
	Bảo hiểm xã hội	366,495,500	366,495,500	0
	Bảo hiểm y tế	64,050,300	64,050,300	0
	Kinh phí công đoàn	42,200,600	42,200,600	0
	Bảo hiểm thất nghiệp	21,357,400	21,357,400	0
	Các khoản đóng góp khác	10,767,500	10,767,500	0
5	Chi thường xuyên khác	277,969,500	277,969,500	0
	Tiền thưởng	11,800,000	11,800,000	0
	Phúc lợi tập thể	8,737,000	8,737,000	0
	Thanh toán dịch vụ công cộng	5,514,000	5,514,000	0
	Vật tư văn phòng	89,210,000	89,210,000	0
	Thông tin tuyên truyền liên lạc	0	0	0
	Công tác phí	7,117,900	7,117,900	0
	Chi phí thuê mướn	18,000,000	18,000,000	0
	Chi sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn	27,920,000	27,920,000	0
	Chi mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	0	0	0
	Chi phí nghiệp vụ	31,043,500	31,043,500	0
	Chi khác...	78,627,100	78,627,100	0
II	Kinh phí không thường xuyên	451,075,900	451,075,900	0
	Phụ cấp khác	28,700,900	28,700,900	0
	Hỗ trợ đối tượng chi phí học tập	340,000,000	340,000,000	0
	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	79,975,000	79,975,000	0
	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn	2,400,000	2,400,000	0

UBND HUYỆN CHIÊM HÓA
THANH TRA HUYỆN

BIỂU TỔNG HỢP
CHI NGÂN SÁCH NĂM 2022 TRƯỜNG TIỂU HỌC PHÚ BÌNH
(Kèm theo kết luận số 02 ngày 15/03/2024 của Chánh Thanh tra huyện)

ĐVT: đồng

TT		Số liệu đơn vị	Số liệu thanh tra	Chênh lệch
	Tổng chi	5,792,572,200	5,792,572,200	0
I	Kinh phí thực hiện thường xuyên/tự chủ	5,113,120,000	5,113,120,000	0
1	Tiền lương	1,747,389,800	1,747,389,800	0
	Lương ngạch bậc	1,747,389,800	1,747,389,800	0
2	Tiền công	131,455,200	131,455,200	0
3	Phụ cấp lương	2,309,662,400	2,309,662,400	0
	PC chức vụ	43,209,300	43,209,300	0
	PC khu vực	151,533,000	151,533,000	0
	PC thu hút	160,976,600	160,976,600	0
	Phụ cấp làm đêm, làm thêm giờ	18,259,600	18,259,600	0
	PC ưu đãi nghề	1,217,715,700	1,217,715,700	0
	PC trách nhiệm theo nghề, theo công việc	8,940,000	8,940,000	0
	PC thâm niên vượt khung, thâm niên nghề	345,170,200	345,170,200	0
	PC công tác lâu năm	348,064,000	348,064,000	0
	Phụ cấp khác	15,794,000	15,794,000	0
4	Các khoản đóng góp	530,775,400	530,775,400	0
	Bảo hiểm xã hội	386,632,100	386,632,100	0
	Bảo hiểm y tế	67,300,800	67,300,800	0
	Kinh phí công đoàn	43,834,100	43,834,100	0
	Bảo hiểm thất nghiệp	21,675,200	21,675,200	0
	Các khoản đóng góp khác	11,333,200	11,333,200	0
5	Chi thường xuyên khác	393,837,200	393,837,200	0
	Tiền thưởng	18,800,000	18,800,000	0
	Phúc lợi tập thể	8,095,000	8,095,000	0
	Thanh toán dịch vụ công cộng	10,320,400	10,320,400	0
	Vật tư văn phòng	130,179,200	130,179,200	0
	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	1,380,000	1,380,000	0
	Công tác phí	22,398,800	22,398,800	0
	Chi phí thuê mướn	18,000,000	18,000,000	0
	Chi sửa chữa tại sân phục vụ công tác chuyên môn	41,348,000	41,348,000	0
	Chi mua sắm tại sân phục vụ công tác chuyên môn	10,800,000	10,800,000	0
	Chi phí nghiệp vụ	25,190,700	25,190,700	0
	Chi khác...	107,325,100	107,325,100	0
II	Kinh phí không thường xuyên	679,452,200	679,452,200	0
	Phụ cấp khác	23,052,200	23,052,200	0
	Hỗ trợ đối tượng chi phí học tập	626,600,000	626,600,000	0
	Chi khác	29,800,000	29,800,000	0

